

Phụ lục I
BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 – 2030
(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt ¹ , được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị	Có quy hoạch chung xã		Sở Xây dựng
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	

¹ Quy hoạch phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện bố trí ổn định dân cư (áp dụng đối với xã có nhu cầu cần bố trí, sắp xếp ổn định cho các đối tượng thuộc các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng; hình thức bố trí: tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đạt	Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 10/2026/TT-BXD ngày 31/3/2026 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và điều kiện Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 10/2026/TT-BXD ngày 31/3/2026 của Bộ Xây dựng	Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 10/2026/TT-BXD ngày 31/3/2026 của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Đạt	Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Hướng dẫn thực hiện một số nội	Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				dung tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp & Môi trường			
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥98%	Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư 17/2026/TT-BCT ngày 31/3/2026 của Bộ Công thương về việc Hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương			Sở Công Thương
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2026/TT-BCT ngày 31/3/2026 của Bộ Công thương			Sở Công Thương
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông	Đạt	Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại mục 2	- Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại	- Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại mục 2 nội dung	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		thôn, vùng sản xuất		nội dung I Hướng dẫn số 3781/HD-BKHCN ngày 01/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ; - Tỷ lệ phủ sóng mạng băng rộng di động 5G cho người dân trên địa bàn thôn năm 2026 đạt $\geq 65\%$, 2027 đạt $\geq 75\%$, 2028 đạt $\geq 85\%$, 2029 đạt $\geq 95\%$ và năm 2030 đạt 100%.	mục 2 nội dung I Hướng dẫn số 3781/HD-BKHCN ngày 01/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Tỷ lệ phủ sóng mạng băng rộng di động 5G cho người dân trong địa bàn thôn năm 2026 đạt $\geq 60\%$, 2027 đạt $\geq 70\%$, 2028 đạt $\geq 80\%$, 2029 đạt $\geq 90\%$ và năm 2030 đạt 100%.	I Hướng dẫn số 3781/HD-BKHCN ngày 01/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Tỷ lệ phủ sóng mạng băng rộng di động 5G cho người dân năm 2026 đạt $\geq 55\%$, 2027 đạt $\geq 65\%$, 2028 đạt $\geq 75\%$, 2029 đạt $\geq 90\%$ và năm 2030 đạt 99%.	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân từ 9,5 - 12%/năm	$\geq 9,5\%$	$\geq 9,5\%$	$\geq 9,5\%$	Thống Kê tỉnh
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Đạt	Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường			Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥ 01 mô hình	Thực hiện theo quy định tại Điều 9 hoặc Điều 11 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường			Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	Thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 13 thông tư 14/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 13 thông tư 14/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường		Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Đạt	Thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 15 thông tư 14/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường		Thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 15 thông tư 14/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Đạt	- Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 52/2026/TT-BTC ngày 14/5/2026 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và điều kiện quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; -Có tối thiểu 50 hộ gia đình là thành viên HTX (bao gồm thành viên chính thức và thành viên liên kết)			Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥01	Không quy định	Thực hiện theo quy định tại điều 17 Thông tư 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp & Môi trường		Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	≥40%	Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 1.1 mục III Hướng	Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 1.2 mục III	Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 1.3 mục III Hướng dẫn số	Hội Nông dân tỉnh

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				dẫn số 286-HD/HNDTW ngày 24/3/2026 của Hội nông dân Việt Nam về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí “3.8 Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định” thuộc tiêu chí “3. Phát triển kinh tế nông thôn” trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.	Hướng dẫn số 286-HD/HNDTW ngày 24/3/2026 của Hội nông dân Việt Nam	286-HD/HNDTW ngày 24/3/2026 của Hội nông dân Việt Nam	
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	- Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại điểm a khoản 1, điều 6 Thông tư số 52/2026/TT-BTC ngày 14/5/2026 của Bộ Tài chính; - Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới tăng trung bình trong 02 năm	- Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại điểm a khoản 1, điều 6 Thông tư số 52/2026/TT-BTC ngày 14/5/2026 của Bộ Tài chính; - Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới tăng trung	-Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại điểm a, điểm b khoản 1, điều 6 Thông tư số 52/2026/TT-BTC ngày 14/5/2026 của Bộ Tài chính; - Số lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh tăng so với năm trước năm được đề nghị xét công nhận	Sở Tài chính

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				liên tiếp liên kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt $\geq 12\%$; - Số lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh tăng so với năm trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn NTM đạt $\geq 6\%$	bình trong 02 năm liên tiếp liên kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt $\geq 11\%$; - Số lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh tăng so với năm trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn NTM đạt $\geq 6\%$	đạt chuẩn NTM đạt $\geq 6\%$	
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥ 01	Thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 7 Thông tư số 52/2026/TT-BTC ngày 14/5/2026 của Bộ Tài chính hoặc điều 8 Thông tư 17/2026/TT-BCT ngày 31/3/2026 của Bộ Công thương hoặc khoản 1 Điều 19 Thông tư số 14/2026/TT-	Thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 7 Thông tư số 52/2026/TT-BTC ngày 14/5/2026 của Bộ Tài chính hoặc điều 8 Thông tư 17/2026/TT-BCT ngày 31/3/2026 của Bộ Công thương hoặc khoản 1 Điều 19	Thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 7 Thông tư số 52/2026/TT-BTC ngày 14/5/2026 của Bộ Tài chính hoặc điều 8 Thông tư 17/2026/TT-BCT ngày 31/3/2026 của Bộ Công thương hoặc khoản 1 Điều 19 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và	- Khu kinh tế Đông Nam: hướng dẫn nội dung Khu công nghiệp; - Sở Công Thương: hướng dẫn nội dung cụm công nghiệp; - Sở Nông nghiệp và Môi trường: hướng dẫn nội dung làng nghề.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Môi trường	
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	$\geq 27\%$	Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại tiểu mục a, mục 1 Công văn số 2558/BNV-CTTN&BDG ngày 30/3/2026 của Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn thực hiện 02 nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030			Sở Giáo dục và Đào tạo
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Đạt	Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại điểm a, khoản 1 Điều 4 Thông tư 42/2026/TT-BGDĐT ngày 29/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và điều kiện thuộc Quy định tỉnh,	Đạt yêu cầu tại điểm b, khoản 1 Điều 4 Thông tư 42/2026/TT-BGDĐT ngày 29/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đạt yêu cầu tại điểm c, khoản 1 Điều 4 Thông tư 42/2026/TT-BGDĐT ngày 29/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo			
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại Hướng dẫn số 1984/HD-BVHTTDL ngày 14/4/2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và điều kiện tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và đạt các chỉ tiêu sau:			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
				-Tỷ lệ thôn đạt danh hiệu văn hóa			
				≥70%	≥70%	≥70%	
				- Định kỳ hằng năm, cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hóa trên địa bàn (nếu có) được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa			
				≥01 cuộc	≥01 cuộc	≥01 cuộc	
				Định kỳ hằng năm, di sản văn hóa phi vật thể của địa phương (nếu có) được thực hành, truyền dạy trong gia đình và trong cộng đồng với sự tham gia của các nghệ nhân, người thực hành, cộng			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				động chủ thể di sản			
				Đạt	Đạt	Đạt	
				Hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật của UBND cấp xã được tin học hóa, chuyển đổi số			
				100%	100%	Không quy định	
				- Di sản văn hóa do UBND cấp xã quản lý được số hóa:			
				≥100%	≥80%	≥60%	
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt	Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại khoản 2 Điều 4 Thông tư 42/2026/TT-BGDĐT ngày 29/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo			Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
6	Giảm	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤2%	Thực hiện đầy đủ	Thực hiện đầy đủ	Thực hiện đầy đủ các	Sở Nông nghiệp và

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
	nghèo và An sinh xã hội			các nội dung theo yêu cầu tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	các nội dung theo yêu cầu tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	nội dung theo yêu cầu tại khoản 3 Điều 21 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Môi trường
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	$\geq 75\%$	$\geq 95\%$	$\geq 85\%$	$\geq 75\%$	Sở Xây dựng
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 80\%$ (trong đó $\geq 50\%$ từ công trình cấp nước tập trung)	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 60\%$ (trong đó $\geq 30\%$ từ công trình cấp nước tập trung)	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 40\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an ² ”	Đạt	Thực hiện theo quy định tại tiểu mục 1 mục II tại Hướng dẫn số 53/HD-ĐCT ngày 11/5/2026 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí 6.4 tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an” trong bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030			Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

² 3 an: an toàn - an tâm - an sinh.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại mục 2 Công văn số 2558/BNV-CTTN&BDG ngày 20/3/2026 của Bộ Nội vụ			Sở Nội vụ
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	- Có bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em trong số các công chức, viên chức cấp xã (văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã: quyết định/thông báo/ văn bản phân công nhiệm vụ...); - Có bố trí kinh phí hằng năm cho việc thực hiện công tác trẻ em (ngân sách, vận động); - Có Tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em cấp xã (có quyết định thành lập, quy chế làm việc của Ban Bảo vệ, chăm sóc trẻ em/Ban điều hành công tác trẻ em...) và thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định. - 100% trẻ em bị xâm hại được phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời theo quy định (hồ sơ hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em bị xâm hại). - Có đường dây nóng thường trực để tiếp nhận, xử lý thông tin, thông báo nguy cơ, hành vi xâm hại trẻ em hoạt động 24/7 (số điện thoại để tiếp nhận thông tin, thông báo và quyết định/thông báo/văn bản phân công nhiệm vụ). - 100% học sinh trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn được hướng dẫn, giáo dục kiến thức, kỹ năng sống và kỹ năng tự bảo vệ trước các hành vi xâm hại với nội dung phù hợp với lứa tuổi. - 100% gia đình có trẻ em được cung cấp kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em bằng các hình thức khác nhau. - Có hoạt động bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ tham gia tổ chức phối hợp liên ngành, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, người chăm sóc trẻ em và mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em. - Thực hiện công tác quản lý các cơ sở bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trên địa bàn			Sở Y tế

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				(thống kê số liệu, thông tin, kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện quy định của pháp luật về trẻ em và xử lý vi phạm theo thẩm quyền). - Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trên địa bàn (đạt tỷ lệ $\geq 90\%$ số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp).			
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại Điều 25 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường			Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt	Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại mục II công văn số 3781/HD-BKHCN ngày 01/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ			Sở Khoa học và Công nghệ
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt	Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại Điều 27 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường			Sở Nông nghiệp và Môi trường
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	- Năng lực và kỹ năng số + Tỷ lệ chủ thể kinh doanh hoặc đại diện chủ thể kinh doanh được đào tạo hỗ trợ hoạt động KD số đạt $\geq 60\%$ + Tỷ lệ cán bộ xã và cán bộ CC, VC làm công tác quản lý được đào tạo QLNN về TMDT đạt $\geq 50\%$	- Năng lực và kỹ năng số + Tỷ lệ chủ thể kinh doanh hoặc đại diện chủ thể kinh doanh được đào tạo hỗ trợ hoạt động KD số đạt $\geq 40\%$ + Tỷ lệ cán bộ xã và cán bộ CC, VC làm công tác quản lý được đào tạo QLNN về TMDT	Không quy định	Sở Công Thương

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				+ Tỷ lệ người dân từ 18 tuổi trở lên biết sử dụng điện thoại smartphone để tra cứu, mua sắm đạt ≥ 80% + Tỷ lệ người dân từ 18 tuổi trở lên được phổ biến kiến thức nhận biết và phòng chống lừa đảo trực tuyến đạt ≥ 50% - Hệ sinh thái cộng đồng thương mại điện tử. + Số lượng tổ hỗ trợ thương mại điện tử cộng đồng do xã lập ra để hỗ trợ TMĐT ≥ 04 tổ. + Số lượng nhóm hỗ trợ do xã lập ra trên các nền tảng số để hỗ trợ bán hàng ≥ 02 nhóm + Số lượng chủ thể kinh doanh địa phương “đầu tàu” dẫn dắt hỗ trợ cộng	đạt ≥ 30% + Tỷ lệ người dân từ 18 tuổi trở lên biết sử dụng điện thoại smartphone để tra cứu, mua sắm đạt ≥ 50% + Tỷ lệ người dân từ 18 tuổi trở lên được phổ biến kiến thức nhận biết và phòng chống lừa đảo trực tuyến đạt ≥ 20% - Hệ sinh thái cộng đồng thương mại điện tử. + Số lượng tổ hỗ trợ thương mại điện tử cộng đồng do xã lập ra để hỗ trợ TMĐT ≥ 02 tổ. + Số lượng nhóm hỗ trợ do xã lập ra trên các nền tảng số để hỗ trợ bán hàng ≥ 01 nhóm + Số lượng chủ		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				đồng ứng dụng TMĐT $\geq$ 02 chủ thể + Số lượng phiên livestream bán hàng do chính quyền địa phương chủ trì $\geq$ 02 phiên/năm + Số lượng đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính, chuyển phát, trung chuyển $\geq$ 02 đơn vị - Mức độ triển khai hoạt động thương mại điện tử + Tỷ lệ (%) chủ thể kinh doanh có nền tảng TMĐT KD trực tiếp (Website, ứng TMĐT bán hàng, gian hàng trực tuyến trên các sàn giao dịch TMĐT đạt $\geq$ 30% + Tỷ lệ (%) sản phẩm OCOP (3 sao trở lên) và các sản phẩm công nghiệp	thể kinh doanh địa phương “đầu tàu” dẫn dắt hỗ trợ cộng đồng ứng dụng TMĐT $\geq$ 01 chủ thể + Số lượng phiên livestream bán hàng do chính quyền địa phương chủ trì $\geq$ 01 phiên/năm + Số lượng đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính, chuyển phát, trung chuyển $\geq$ 01 đơn vị - Mức độ triển khai hoạt động thương mại điện tử + Tỷ lệ (%) chủ thể kinh doanh có nền tảng TMĐT KD trực tiếp (Website, ứng TMĐT bán hàng, gian hàng trực tuyến trên các sàn giao dịch TMĐT		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				nông thôn tiêu biểu (từ cấp tỉnh trở lên) của xã trung bày, giới thiệu hoặc bán trên các nền tảng số thương mại điện tử được Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương xác nhận ≥ 80%. + Tỷ lệ sản phẩm OCOP (3 sao trở lên) và sản phẩm CNNT tiêu biểu (từ cấp tỉnh trở lên) của xã có mã QR truy xuất nguồn gốc, minh bạch hóa quy trình sản xuất trên môi trường trực tuyến: 100% + Tổng doanh thu từ hoạt động bán hàng trực tuyến của các chủ thể kinh doanh có đăng ký kinh doanh hoặc hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn	đạt ≥ 20% + Tỷ lệ (%) sản phẩm OCOP (3 sao trở lên) và các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (từ cấp tỉnh trở lên) của xã trung bày, giới thiệu hoặc bán trên các nền tảng số thương mại điện tử được Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương xác nhận ≥ 60%. + Tỷ lệ sản phẩm OCOP (3 sao trở lên) và sản phẩm CNNT tiêu biểu (từ cấp tỉnh trở lên) của xã có mã QR truy xuất nguồn gốc, minh bạch hóa quy trình sản xuất trên môi trường trực tuyến: 80% + Tổng doanh thu từ hoạt động bán		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				xã ≥ 300 tỷ đồng	hàng trực tuyến của các chủ thể kinh doanh có đăng ký kinh doanh hoặc hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn xã ≥ 120 tỷ đồng		
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	≥ 01 mô hình	Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại mục III công văn số 3781/HD-BKHCN ngày 01/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ		Không quy định	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt	Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 90\%$.	Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 85\%$.	Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, phân bón	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất,	100%	100%	100%	100%	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		kinh doanh, dịch vụ ³ , làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường					
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt	Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 10/2026/TT-BXD ngày 31/3/2026 của Bộ Xây dựng	Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 10/2026/TT-BXD ngày 31/3/2026 của Bộ Xây dựng	Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 10/2026/TT-BXD ngày 31/3/2026 của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại Điều 39 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại Điều 39 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại Điều 39 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ

³ Bao gồm cả cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông lâm thủy sản.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
	công	9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tư pháp
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại tiểu mục 1 mục II Công văn số 07/HD-BCA-V05 ngày 27/3/2026 của Bộ Công An về việc hướng dẫn thực hiện các tiêu chí an ninh, trật tự thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, điều kiện an ninh, trật tự thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.			Công an tỉnh
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại tiểu mục 2 mục II Công văn số 07/HD-BCA-V05 ngày 27/3/2026 của Bộ Công An			
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại mục I Công văn số 3132/HD-BQP ngày 12/3/2026 của Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, tiêu chí 10.4 Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.			Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

Phụ lục II
TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI
GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

1. Đáp ứng các yêu cầu quy định tại mục 1,2 Phụ lục II ban hành kèm theo quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đạt các tiêu chí sau:

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
1	Hạ tầng số và năng lượng	1.1. Tỷ lệ thôn có hạ tầng Internet băng rộng	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
		1.2. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet băng rộng	$\geq 90\%$	
		1.3. Tỷ lệ các điểm công cộng (trụ sở xã, nhà văn hóa, trường học, trạm y tế, điểm du lịch...) được kết nối internet băng rộng	100%	
		1.4. Có hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, thiết bị phục vụ hội nghị trực tuyến và hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông.	Đạt	
		1.5 Có hạ tầng Internet vạn vật (IoT) và bảng điện tử công cộng (nếu có) bảo đảm kết nối với nền tảng giám sát/IOC cấp tỉnh triển khai	Đạt	
		1.6 Hạ tầng mạng Lan nội bộ, mạng truyền số liệu chuyên dùng và hệ thống thông tin liên quan của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận tổ quốc	Đạt	

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
		1.7. Tỷ lệ công trình công cộng (trụ sở UBND xã, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa) được lắp đặt, sử dụng điện năng lượng mặt trời mái nhà tự sản xuất hoặc các nguồn năng lượng mới, tái tạo khác.	$\geq 15\%$	Sở Công Thương
		1.8 Tỷ lệ hộ gia đình được lắp đặt, sử dụng điện năng lượng mặt trời mái nhà tự sản xuất hoặc các nguồn năng lượng mới, tái tạo khác.	$\geq 8\%$	
2	Nông nghiệp thông minh; phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2.1. Có mô hình nông nghiệp thông minh hoặc kinh tế số nông thôn do hợp tác xã hoặc doanh nghiệp vận hành (<i>khuyến khích mô hình có sự tham gia của thanh niên và phụ nữ</i>)	≥ 01 mô hình	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.2. Có sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm Ocop của địa phương được đưa lên sàn thương mại điện tử và ứng dụng công nghệ số trong sản xuất.	≥ 01 sản phẩm	Sở Công thương
		2.3. Tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử và quản lý sức khỏe	$\geq 95\%$	Sở Y tế
		2.5. Có mô hình chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục và đào tạo	≥ 01 mô hình	Sở Giáo dục và Đào tạo
		2.6. Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia	100%	
		2.7 Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	$\geq 30\%$	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		2.8. Có thư viện điện tử/không gian đọc số tại xã, Đài truyền thanh thông minh, bản đồ số, QR, nội dung quảng bá số về du lịch và di sản văn hóa	Đạt	

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
3	Bảo đảm an sinh xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn	3.1 Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; Chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	Sở Y tế
		3.2. Có mô hình phát triển kinh tế tập thể, tổ hợp tác hoặc mô hình sản xuất kinh doanh hoạt động hiệu quả do phụ nữ làm chủ hoặc tham gia quản lý, điều hành	Đạt	Sở Nội vụ
		3.3. Có mô hình thúc đẩy bình đẳng giới hoạt động hiệu quả; 100% vụ việc bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện hoặc tiếp nhận được hỗ trợ, xử lý theo quy định.	Đạt	
		3.4. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	$\geq 50\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo
4	Môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa truyền thống	4.1. Có mô hình chuyển đổi số phục vụ công tác bảo đảm ANTT trên địa bàn	≥ 01 mô hình	Công An
		4.2 Có hoạt động y tế chăm sóc sức khỏe cộng đồng	Đạt	Sở Y tế
		4.3. Không có điểm nóng về ô nhiễm môi trường	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		4.4. Môi trường sống giàu bản sắc văn hóa	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Cảnh quan, môi trường sáng – xanh – sạch – đẹp, an toàn	5.1. Hệ thống đường làng, ngõ xóm, khu dân cư được chỉnh trang đồng bộ, bảo đảm sáng - xanh - sạch - đẹp	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		5.2 Có không gian xanh công cộng (cây xanh, mặt nước, khu sinh hoạt ngoài trời) phục vụ cộng đồng	Đạt	
		5.3. Có mô hình bảo vệ môi trường nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn hoặc giảm phát thải	≥ 01 mô hình	

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
		5.4 Có hạ tầng thu gom, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt đáp ứng yêu cầu	Đạt	
6	An ninh trật tự	6.1 An ninh trật tự được đảm bảo	Đạt	Công an tỉnh
		6.2. Lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	Đạt	